

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày: 24-06-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Kim Hương

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P

Địa chỉ trụ sở chính: Số 41 và 45 Đường L, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T: Ông Lê Đình V, sinh năm: 1976, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng P.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Long: Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Số 41 và 45 Đường L, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo các văn bản ủy quyền số 48/2016/UQ-CT.HĐQT ngày 02/11/2016 và số 314/2019/UQ-OCB ngày 14/10/2019).

Bị đơn: Ông Bùi Ngọc S, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Số 08A Đường P, phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P do ông Nguyễn Xuân N đại diện trình bày: Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng thương mại cổ phần P và ông Bùi Ngọc S ký hợp đồng tín dụng số 112.10.00022 theo đó ông S vay Ngân hàng P số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất trong hạn 21,7%/năm (trong 01 tháng đầu), từ tháng thứ hai trở đi lãi suất cho vay sẽ bằng lãi suất TGTK kỳ hạn 13 tháng LLCK tại OCB + 6,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: mua xe ô tô.

Ngày 22 tháng 02 năm 2011, Ngân hàng thương mại cổ phần P và ông Bùi Ngọc S ký tiếp hợp đồng tín dụng số 112.11.00026 theo đó ông S vay Ngân hàng P số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất trong hạn 21,7%/năm (trong 01 tháng đầu), từ tháng thứ hai trở đi lãi suất cho vay sẽ bằng lãi suất TGTK kỳ hạn 13 tháng LLCK tại OCB + 6,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: mua xe ô tô.

Sau khi vay tiền, hợp đồng tín dụng số 112.10.00022 ngày 31/12/2010 ông S trả cho Ngân hàng P số tiền 23.439.535 đồng (trong đó gốc là 16.670.000 đồng, lãi là 6.769.535 đồng), ông S còn nợ gốc 63.330.000 đồng, lãi tính đến ngày 24/6/2020 là 196.143.641 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 112.10.00026 ngày 22/2/2011 ông S trả cho Ngân hàng P số tiền 11.096.607 đồng (trong đó gốc là 6.558.260 đồng, lãi là 4.538.347 đồng), hợp đồng này ông S còn nợ gốc 53.441.740 đồng, lãi tính đến ngày 24/6/2020 là 163.032.537 đồng.

Đến nay, trong hai hợp đồng tín dụng số 112.10.00022 ngày 31/12/2010 và số 112.10.00026 ngày 22/02/2011 ông S còn nợ Ngân hàng P gốc 116.771.740 đồng và lãi tính đến ngày 24/6/2020 là 359.176.178 đồng.

Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu ông S trả nợ gốc 116.771.740 đồng, không yêu cầu lãi.

Bị đơn ông Bùi Ngọc S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông S có nghĩa vụ trả số nợ vay gốc là 116.771.740 đồng, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ mới.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng số 112.10.00022 ngày 31 tháng 12 năm 2010 và hợp đồng tín dụng số 112.11.00026 ngày 22 tháng 02 năm 2011 có cơ sở xác định ông Bùi Ngọc S có vay Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 140.000.000 đồng. Sau khi vay ông S đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 23.228.260 đồng, lãi 11.307.882 đồng, tính đến nay ông S còn nợ số tiền gốc 116.771.740 đồng. Quá trình tố tụng ông S được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S vắng mặt, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần P có đơn khởi kiện tranh chấp đối với ông Bùi Ngọc S về yêu cầu trả số nợ vay trong hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng P có mặt, bị đơn vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông Bùi Ngọc S có nghĩa vụ trả số nợ vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong năm 2010, 2011 ông Bùi Ngọc S có vay Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 140.000.000 đồng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 112.10.00022 ngày 31/12/2010 vay số tiền 80.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 112.11.00026 ngày 22 tháng 02 năm 2011, vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất trong hạn 21,7%/năm (trong 01 tháng đầu), từ tháng thứ hai trở đi lãi suất cho vay sẽ bằng lãi suất TGTK kỳ hạn 13 tháng LLCK tại OCB + 6,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: mua xe ô tô.

Thực hiện hợp đồng, ông S đã trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền 34.536.142 đồng (trong đó gốc 23.228.260 đồng, lãi 11.307.882 đồng), sau đó ngưng không trả, đã để nợ quá hạn. Ngân hàng P đã nhiều lần yêu cầu ông S trả nợ nhưng ông S trốn tránh bỏ địa phương đi, đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của mình đối với Ngân hàng P.

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho ông S thể hiện việc Ngân hàng P khởi kiện nhưng ông S không có ý kiến, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, ông S không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã trả số tiền trên cho Ngân hàng P.

[4] Như vậy, từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định hiện nay ông S còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền vay gốc là 116.771.740 đồng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P là có căn cứ. Buộc ông S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền vay gốc 116.771.740 đồng theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Phát biểu của kiểm sát viên về việc chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về án phí: Ông S phải chịu 5.838.587 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với ông Bùi Ngọc S.

Buộc ông Bùi Ngọc S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số nợ gốc là 116.771.740 đồng (Một trăm mười sáu triệu, bảy trăm bảy mươi một ngàn, bảy trăm bốn mươi đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 25/6/2020, ông S còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 112.10.00022 ngày 31/12/2010 và số 112.10.00026 ngày 22/02/2011 cho đến khi thi hành xong số nợ trên.

Về án phí: Ông Bùi Ngọc S phải chịu 5.838.587 đồng (Năm triệu, tám trăm ba mươi tám ngàn, năm trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tạm ứng án phí là 10.781.488 đồng (Mười triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn, bốn trăm tám mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0004106 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng